

Bản án số: **71/2017/DS-ST**  
Ngày: 22 - 12 - 2017  
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trương Văn Săng;

Ông Lê Văn Đức.

**- Thư ký phiên Tòa:** Bà Đinh Quốc Hiếu – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2017/TLST – DS ngày 03 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2017/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2017/QĐST – DS ngày 06 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Bùi Thị S**, sinh năm: 1964. (Có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bến Tre.

**- Bị đơn:** Chị **Phạm Thị Thanh T**, sinh năm: 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 23/6/2017, đơn thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện, bản tự khai ngày 04/8/2017, và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Bùi Thị S trình bày:*

Vào ngày 10/6/2016 (âm lịch) bà S có cho chị T vay số tiền 200.000.000 đồng, chị T có làm giấy nhận nợ, hai bên thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, thỏa thuận đến ngày 20/6/2016 (âm lịch) là trả nợ. Vào ngày 01/7/2016 (âm lịch) chị T đã trả cho bà S số tiền vốn 50.000.000 đồng. Sau đó, ngày 29/9/2016 (âm lịch) bà S có cho chị T vay thêm số tiền 100.000.000 đồng, chị T có làm giấy nhận nợ, hai bên thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, thỏa thuận đến ngày 05/10/2016 (âm lịch) là trả nợ. Tổng cộng 02 lần vay là 300.000.000 đồng, đã trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại 250.000.000 đồng. Sau đó bà S nhiều lần yêu cầu chị T trả số tiền nợ còn lại là 250.000.000 đồng, nhưng chị T vẫn không trả cho bà S vốn lẫn lãi.

Do nhiều lần đòi nhưng không được, nên nay bà S khởi kiện yêu cầu chị T có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền nợ vay là: 272.500.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 03/8/2016 (tức là ngày 01/7/2016 âm) cho đến ngày 03/8/2017 là 12 tháng, theo mức lãi suất của ngân hàng Nhà nước quy định là 0.75%/tháng, nên:

$$12 \text{ tháng} \times 0.75\% \times 250.000.000 \text{ đồng} = 22.500.000 \text{ đồng.}$$

Và yêu cầu tiếp tục tính lãi suất phát sinh từ ngày 03/8/2017 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Nhưng tại phiên Tòa, bà S xác định lại thời gian bà yêu cầu tính lãi tròn 12 tháng, tính từ ngày 05/10/2016 (âm lịch) nhằm ngày 04/11/2016 (dương lịch) đến ngày 04/12/2017 (dương lịch) với số tiền lãi là 22.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 04/12/2017 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Đồng thời bà S xác định giao dịch này chỉ là giao dịch riêng cá nhân của chị T với bà, vì chị T đã ly hôn với chồng trước khi xác lập giao dịch này với bà.

\* Đối với chị Phạm Thị Thanh T là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị đều vắng mặt, nên không thu thập được lời khai của chị.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.*

- *Về thủ tục giải quyết vụ án:* Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định.

Về thu thập chứng cứ: Theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn chấp hành tốt theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, có thực hiện theo nội quy phiên

Tòa; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục gửi Thông báo thụ lý vụ án: Vụ án thụ lý ngày 03/8/2017 nhưng đến ngày 05/9/2017 Tòa án mới gửi Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn là vi phạm quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với vi phạm trên chỉ là vi phạm nhỏ, không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án; nên chỉ kiến nghị Tòa án khắc phục trong thời gian tới.

*- Về nội dung giải quyết vụ án:*

Bà S yêu cầu khởi kiện buộc chị T trả số tiền vay 250.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất là 0.75%/tháng. Nhận thấy, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với chị T, nhưng chị vẫn vắng mặt không lý do, mặc dù chị vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, nên việc chị đi khỏi địa phương mà không thông báo xem như chị cố tình giấu địa chỉ, nên căn cứ Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn giải quyết là phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu khởi kiện của bà S đối với chị T là có cơ sở, phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 474, 478 của Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S đối với chị T, để buộc chị T trả cho bà S số tiền vốn là 250.000.000 đồng. Đối với tiền lãi, tại phiên Tòa bà S chỉ tính lãi tròn 12 tháng tính từ ngày 05/10/2016 (âm lịch) nhằm ngày 04/11/2016 (dương lịch), tức là tính đến ngày 04/12/2017 (dương lịch), theo mức lãi suất là 0.75%/tháng với số tiền lãi là 22.500.000 đồng là phù hợp pháp luật nên đề nghị chấp nhận. Đồng thời đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bà S không yêu cầu tính lãi suất phát sinh thêm từ ngày 04/12/2017 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

*- Về tố tụng:*

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tổng đạt được Thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như các giấy triệu tập cho chị T, do theo biên bản xác minh ngày 05/9/2017 đối với Trưởng ấp E, xã F và biên bản xác minh ngày 05/9/2017 đối với Công an xã F, huyện D, tỉnh Bến Tre đều xác định chị Phạm Thị Thanh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bến Tre nhưng hiện tại chị đã bỏ địa phương đi từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay. Như vậy, chị T bỏ địa phương đi là trước thời điểm Tòa án nhận đơn khởi kiện của bà S vào ngày 23/6/2017 và thụ lý hồ sơ vào ngày 03/8/2017.

[2]. Tuy nhiên, theo chứng cứ khởi kiện trong vụ án của bà S là 02 giấy biên nhận nợ đề ngày 10/6/2016 (âm lịch) và ngày 29/9/2016 (âm lịch), chị T đều

có ghi địa chỉ cụ thể của chị là ngụ ấp E, xã F, huyện D. Nên bà S căn cứ vào địa chỉ ghi theo trong giấy nhận nợ này để ghi trong đơn khởi kiện chị T. Nay chị T thay đổi địa chỉ mới nhưng chị không thông báo cho bà S biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

[3]. Vì vậy, mặc dù bị đơn chị Phạm Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng chị vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

[4]. Ngày 10/6/2016 (âm lịch) và ngày 29/9/2016 (âm lịch) chị T có vay của bà S 02 lần với tổng số tiền là 300.000.000 đồng, đến ngày 01/7/2016 (âm lịch), chị T trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại bà S 250.000.000 đồng. Nay bà Bùi Thị S khởi kiện yêu cầu chị Phạm Thị Thanh T trả số tiền nợ vay 250.000.000 đồng và tính lãi suất. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5]. Do Hợp đồng vay tài sản giữa bà S với chị T được xác lập vào ngày 10/6/2016 (âm lịch) và ngày 29/9/2016 (âm lịch), nên sẽ áp dụng theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

[6]. Theo Giấy xác nhận ngày 23/6/2017 của Công an xã F, huyện D, tỉnh Bến Tre thì chị Phạm Thị Thanh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp E, xã F, huyện D, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện D.

- Về nội dung:

- **Xét yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị S yêu cầu chị Phạm Thị Thanh T trả số tiền nợ vay là: 250.000.000 đồng.**

Cơ sở chứng cứ:

+ Giấy Biên nhận nợ ngày 10/6/2016 (âm lịch) ;

+ Giấy Biên nhận nợ ngày 29/9/2016 (âm lịch).

[7].*Hội đồng xét xử xét thấy*: Theo lời khai của bà S trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, bà đều xác định bà có cho chị T vay 02 lần, cụ thể như sau:

+ Lần 1: Vào ngày 10/6/2016 (âm lịch), bà S có cho chị T vay số tiền 200.000.000 đồng, chị T có làm giấy nhận nợ, thỏa thuận đến ngày 20/6/2016 (âm lịch) là trả nợ. Nhưng đến ngày 01/7/2016 (âm lịch) chị T có trả cho bà S số tiền 50.000.000 đồng.

+ Lần 2: Vào ngày 29/9/2016 (âm lịch), bà S có cho chị T vay thêm số tiền 100.000.000 đồng, chị T có làm giấy nhận nợ, thỏa thuận đến ngày 05/10/2016 (âm lịch) là trả nợ.

[8]. Tổng cộng 02 lần vay là 300.000.000 đồng, ngày 01/7/2016 (âm lịch) chị T đã trả cho bà S số tiền vốn 50.000.000 đồng. Sau đó bà S nhiều lần yêu cầu chị T trả số tiền nợ còn lại là 250.000.000 đồng, nhưng chị T vẫn không trả cho bà S vốn lẫn lãi. Đối với chị T trong quá trình giải quyết vụ án, đều vắng mặt nên không có lời khai.

[9]. Xét các tài liệu, chứng cứ do bà S giao nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với 02 biên nhận đề ngày 10/6/2016 (âm lịch) và ngày 29/9/2016 (âm lịch) đều có thể hiện nội dung đầy đủ là chị Phạm Thị Thanh T có mượn của bà S lần đầu là 200.000.000 đồng, lần sau là 100.000.000 đồng, và chị T có ký nhận nợ đầy đủ, hơn nữa theo 02 biên nhận này, bà S đều xác định chữ viết và chữ ký do chị T viết và ký. Nay chị T không có ý kiến gì về các chứng cứ này cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, chị đều vắng mặt, không đến Tòa án giải để quyết và cũng không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà S theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên xem như mặc nhiên chị thừa nhận còn nợ bà S số tiền vay 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo lời khai của bà S xác định chị T có trả cho bà được số tiền vốn 50.000.000 đồng vào ngày 01/7/2016 (âm lịch), nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10]. Từ cơ sở trên, xác định được chị T có vay của bà S số tiền 300.000.000 đồng, đã trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại 250.000.000 đồng, hợp đồng vay được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện, có làm giấy tay, có thỏa thuận thời gian trả nên được xem là Hợp đồng vay có kỳ hạn theo quy định tại Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005. Qua hợp đồng vay thấy rằng, chị T đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn cho bà S đầy đủ, nên bà S khởi kiện yêu cầu chị T trả số tiền vay 250.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**- Xét yêu cầu của bà S đối với chị T về việc tính lãi của số tiền vốn 250.000.000 đồng.**

[11]. Hợp đồng vay tài sản giữa bà S với chị T là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi, vì theo bà S cho rằng có thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, tuy nhiên nay chị T vắng mặt không có lời khai, mà theo giấy biên nhận nợ ngày 10/6/2016 (âm lịch) và ngày 29/9/2016 (âm lịch) đều không thể hiện là có thỏa thuận lãi suất, và tại phiên Tòa bà S thừa nhận chưa có nhận số tiền lãi nào từ chị T, nên không có cơ sở để xác định đây là Hợp đồng vay có lãi, mà xác định là Hợp đồng vay không có lãi. Nay do chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên bà S có quyền yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất

cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[12]. Vì vậy, tại phiên Tòa, bà S có yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định là 0.75%/năm là phù hợp theo Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm (0,75%/tháng); thời gian tính lãi suất tròn 12 tháng, tính từ ngày 05/10/2016 (âm lịch) nhằm ngày 04/11/2016 (dương lịch), tức là tính đến ngày 04/12/2017 (dương lịch), với số tiền lãi là: 12 tháng x 250.000.000 đồng x 0.75%/tháng = 22.500.000 đồng là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13]. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà S, tại phiên Tòa không yêu cầu tính lãi suất phát sinh thêm từ ngày 04/12/2017 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

[14]. Vậy tổng cộng: Số tiền mà chị T phải trả cho bà S là 272.500.000 đồng: gồm tiền vốn 250.000.000 đồng và tiền lãi 22.500.000 đồng.

[15]. Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở; và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*\* Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

[16]. Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[17]. Do yêu cầu khởi kiện của bà S được chấp nhận toàn bộ nên chị T phải chịu án phí của số tiền: 272.500.000 đồng, cụ thể:

272.500.000 đồng x 5% = 13.625.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị S đối với chị Phạm Thị Thanh T về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

2. Buộc chị Phạm Thị Thanh T phải có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị S số tiền nợ vay là 272.500.000 đồng (Hai trăm bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó vốn gốc: 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi: 22.500.000 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bà Bùi Thị S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Phạm Thị Thanh T chưa thi hành khoản tiền nêu trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Chị Phạm Thị Thanh T phải chịu là 13.625.000 đồng (Mười ba triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Bà Bùi Thị S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.100.000 đồng (Tám triệu một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005865 ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Bùi Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Phạm Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Thị Mỹ Duyên**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Văn Sáng – Lê Văn Đức**

**Trần Thị Mỹ Duyên**